

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Tên ngành: Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi Mã ngành: 9640102

(Ban hành kèm theo quyết định số 4199/QĐ-ĐHCT ngày 28 tháng 8 năm 2025
của Hiệu trưởng Đại học Cần Thơ)

1	Tên ngành đào tạo (Tiếng Việt và Anh)	Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi Animal pathology and disease treatment
2	Mã ngành	9640102
3	Đơn vị quản lý	Khoa Thú Y, Trường Nông Nghiệp
4	Chuẩn đầu vào	
4.1	Ngành phù hợp không học bổ sung kiến thức	- Thú Y
4.2	Ngành phù hợp học bổ sung kiến thức	- Chăn nuôi - Bệnh học thủy sản - Thủy sản - Công nghệ sinh học - Nông học
4.3	Yêu cầu chung	- Tốt nghiệp Thạc sĩ hoặc CTĐT chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 ngành phù hợp; hoặc tốt nghiệp hạng giỏi trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp. - Có trình độ ngoại ngữ bậc 4/6 (B2) theo Khung năng lực bậc 6 dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. - Các yêu cầu về kinh nghiệm, năng lực nghiên cứu được cụ thể trong quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ.
5	Mục tiêu đào tạo <i>Cụ thể hoá yêu cầu của TT 17/2021/BGDĐT và Khung trình độ quốc gia, bậc 8</i>	- Mục tiêu chung: Đào tạo nghiên cứu sinh có kiến thức chuyên môn sâu, tiên tiến, toàn diện; có khả năng nghiên cứu độc lập và tổ chức nghiên cứu trong lĩnh vực bệnh lý và chữa bệnh động vật; có khả năng phát hiện, giải quyết được những vấn đề mới về khoa học-công nghệ trong lĩnh vực Thú y; có khả năng hợp tác, quản lý, đáp ứng yêu cầu công tác nghiên cứu; có ý thức, đạo đức nghề nghiệp. - Mục tiêu cụ thể (viết từ 3 đến 4 mục tiêu đào tạo cụ thể) a. Trang bị cho NCS kiến thức nâng cao trong các lĩnh vực bệnh lý và chữa bệnh động vật. b. Rèn luyện cho NCS kỹ năng và phương pháp nghiên cứu khoa học; nâng cao năng lực nhận diện vấn đề, phân tích nguyên nhân và đề xuất giải pháp trong lĩnh vực bệnh lý và chữa bệnh vật nuôi. c. Phát triển kỹ năng giao tiếp học thuật, trình bày rõ ràng, logic và thuyết phục các báo cáo khoa học, chuyên ngành và trao đổi học thuật hiệu quả trong môi trường trong và ngoài nước.

		d. Hình thành và phát triển năng lực thích nghi môi trường làm việc hội nhập quốc tế; bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, đánh giá và đề xuất ở cấp độ chuyên gia dựa trên luận cứ khoa học và thực tiễn.
6	Chuẩn đầu ra	
6.1	Kiến thức	Kiến thức chuyên ngành a. Vận dụng khối kiến thức chuyên sâu về bệnh lý và chữa bệnh vật nuôi một cách linh hoạt trong phân tích, chẩn đoán, xét nghiệm hình thành những giải pháp mới trong chữa bệnh động vật (PLO1) b. Phân tích chuyên sâu các vấn đề phức tạp trong lĩnh vực thú y, tổng hợp kiến thức và thực tiễn để đề xuất giải pháp kỹ thuật, sản xuất hoặc nghiên cứu chuyên sâu có tính đột phá (PLO2) c. Phát triển các học thuyết, các nguyên lý của chuyên ngành bệnh lý và chữa bệnh vật nuôi để xây dựng những đề tài dự án cấp cơ sở, cấp bộ và quốc gia (PLO3)
6.2	Kỹ năng	a. Phân tích kết quả nghiên cứu và đề xuất giải pháp nhằm giải quyết hiệu quả các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn trong bối cảnh chuyên đổi số và ứng dụng công nghệ trong thú y (PLO4) b. Giao tiếp đa phương tiện bằng tiếng Việt và ngoại ngữ trong trao đổi học thuật, phát triển tư duy phản biện trong thảo luận, phổ biến các công trình, kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước thuộc lĩnh vực chuyên môn (PLO5)
6.3	Mức tự chủ và trách nhiệm cá nhân	Thể hiện trách nhiệm, tuân thủ các quy định, nguyên tắc nghề nghiệp, đạo đức trong nghiên cứu; có khả năng độc lập trong việc ra quyết định mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn (PLO6)
6.4	Ngoại ngữ trong quá trình học tập, nghiên cứu	Sử dụng thành thạo ít nhất một ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B2 theo khung tham chiếu ngôn ngữ chung Châu Âu) vào học tập và nghiên cứu khoa học.
7	Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp CTĐT	Trường Đại học, Viện nghiên cứu, Phòng R&D ở các công ty thức ăn, thuốc Thú Y & Thủy Sản, các phòng ban liên quan đến Nông lâm, thủy sản... trong và ngoài nước
8	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	- Phát triển tinh thần học tập suốt đời, cập nhật kiến thức qua các khóa đào tạo ngắn hạn, hội thảo, và các chương trình đào tạo sau tiến sĩ. - Phát triển khả năng áp dụng lý thuyết vào thực tiễn, giải quyết các bài toán nghiên cứu có tính ứng dụng cao.
9	Các chương trình đào tạo, tài liệu, chuẩn quốc gia và quốc tế tham khảo	- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam; - Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

	- Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ; - Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Khung năng lực số cho người học; - Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học. - Các CTĐT trong nước và quốc tế: - Học viện Nông nghiệp Việt Nam http://khoathuy.vnua.edu.vn/chi-tiet/36 - Đại học Putra Malaysia http://vet.upm.edu.my/academic/postgraduate/doctor_of_philosophy-38149 - Gifu University https://www1.gifu-u.ac.jp/~ugvphdhp/english/tokusyoku.html
--	---

Chương trình đào tạo chi tiết

Tổng số tín chỉ: 90 TC cho người tốt nghiệp thạc sĩ; 120 TC cho người tốt nghiệp đại học.

Thời gian đào tạo: 3 năm đối với NCS đầu vào trình độ thạc sĩ; 4 năm đối với NCS đầu vào trình độ đại học loại giỏi. Thời gian đào tạo tối đa: 6 năm.

Một số hướng nghiên cứu:

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, chức danh khoa học người có thể hướng dẫn NCS (thỏa Điều 5, TT18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021)	Số lượng NCS Có thể nhận
1	Khảo sát đặc điểm dịch tễ các bệnh truyền nhiễm động vật và khả năng đáp ứng miễn dịch của động vật	PGS.TS. Trần Ngọc Bích	2
2	Nghiên cứu bệnh nội khoa động vật	PGS.TS. Trần Ngọc Bích	1
3	Nghiên cứu bệnh sản khoa trên bò và biện pháp điều trị	TS. Nguyễn Phúc Khánh	1
4	Nghiên cứu bệnh trên động vật do virus gây ra	TS. Nguyễn Phúc Khánh	1
5	Giám sát sự lưu hành và điều tra dịch tễ một số bệnh truyền lây giữa người và động vật ở ĐBSCL	PGS.TS. Nguyễn Thanh Lãm	1
6	Nghiên cứu về bệnh truyền nhiễm ở người và động vật	PGS.TS. Nguyễn Thanh Lãm	1
7	Sự lưu hành, độc lực và đề kháng kháng sinh của vi khuẩn gây bệnh truyền lây giữa động vật và con người	TS. Nguyễn Khánh Thuận	1

Signature

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, chức danh khoa học người có thể hướng dẫn NCS (thỏa Điều 5, TT18/2021/TT-BGDDT ngày 28/6/2021)	Số lượng NCS Có thể nhận
8	Nghiên cứu đặc điểm di truyền của các chủng vi khuẩn gây bệnh truyền lây giữa động vật và con người	TS. Nguyễn Khánh Thuận	1
9	Khảo sát sự lưu hành của vi khuẩn <i>Clostridium botulinum</i> và sự hiện diện của chủng có gen độc lực trên các sản phẩm chăn nuôi vịt chạy đồng	TS. Nguyễn Thu Tâm	1
10	Nghiên cứu một số bệnh truyền lây giữa động vật và người và phương pháp phòng trị	TS. Nguyễn Thu Tâm	1
11	Nghiên cứu mối tương tác giữa ký sinh trùng và ký chủ đối với những bệnh có sự truyền lây sang người	TS. Nguyễn Hồ Bảo Trân	1
12	Nghiên cứu thử nghiệm các loại thảo dược trong điều trị bệnh ký sinh trùng trên gia súc và gia cầm in vitro và in vivo.	TS. Nguyễn Hồ Bảo Trân	1
13	Nghiên cứu bệnh ký sinh trùng đường máu trên chó/mèo tại Đồng bằng sông Cửu Long	TS. Trần Thị Thảo	1
14	Nghiên cứu bệnh trên thú cảnh	TS. Trần Thị Thảo	1
15	Nghiên cứu độc lực và tính đề kháng kháng sinh của vi khuẩn gây bệnh trên gia súc gia cầm	TS. Bùi Thị Lê Minh	1
16	Nghiên cứu hoạt tính kháng khuẩn của các dược liệu và ảnh hưởng của dược liệu lên khả năng đáp ứng miễn dịch, tăng trưởng của gia súc gia cầm	TS. Bùi Thị Lê Minh	1
17	Nghiên cứu đặc điểm bệnh lý một số bệnh truyền nhiễm trên động vật và bệnh truyền lây sang người	TS. Châu Thị Huyền Trang	1
18	Nghiên cứu bệnh nội khoa và ngoại khoa trên chó và mèo.	TS. Nguyễn Thị Bé Mười	1
19	Khảo sát sự hiện diện và đề kháng kháng sinh của vi khuẩn trong nước tiểu, hỗ trợ điều trị đường niệu của chó/mèo.	TS. Nguyễn Thị Bé Mười	1
20	Nghiên cứu một số chế phẩm thảo dược có khả năng kháng viêm và chống oxy hoá trên động vật.	TS. Trường Quỳnh Như	1
21	Nghiên cứu về độc lực và sự đề kháng kháng sinh một số tác	TS. Trường Quỳnh Như	1

Handwritten signature

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, chức danh khoa học người có thể hướng dẫn NCS (thỏa Điều 5, TT18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021)	Số lượng NCS Có thể nhận
	nhân gây bệnh trên động vật thủy sản.		
22	Tìm hiểu về hoạt tính sinh học của các loại thảo dược liên quan đến khoa học thú y	TS. Vũ Ngọc Minh Thư	1

Đề cương nghiên cứu: Theo kế hoạch tập trung của Trường.

Phần 1: Học phần bổ sung

1.1 . Có bằng đại học ngành phù hợp: học bổ sung các học phần (30 TC), gồm các học phần thuộc CTĐT Thạc sĩ định hướng nghiên cứu, không bao gồm Luận văn tốt nghiệp.

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiền quyết	HK thực hiện
I. Phần kiến thức chung									
1	ML605	Triết học	3	x		45			I, II
2		Ngoại ngữ	Học viên tự học đạt chứng chỉ B2 hoặc tương đương theo quy định						
II. Phần kiến thức khối ngành									
3	NNN648	Phương pháp NCKH-Chăn nuôi & Thú y	2	x		30			I, II
4	NNY616	Miễn dịch học nâng cao	2	x		20	20		I, II
5	NN741	Sinh lý bệnh học Thú y	2	x		30			I, II
6	NN740	Tin học ứng dụng trong TY	2		x	30			I, II
7	CT888	Năng lực số A	2	x		30			I, II
8	NN743	Công nghệ sinh học trong TY	2		x	20	20		I, II
9	NNY621	Một sức khỏe - One health	2		x	30			I, II
10	NNY603	Anh văn chuyên ngành TY	2		x	30			I, II
Cộng: 12 TC (Bắt buộc: 8 TC; Tự chọn: 04 TC)									
III. Phần kiến thức chuyên ngành									
11	NNY620	Bệnh truyền nhiễm gia súc	2	x		20	20		I, II
12	NNY619	Bệnh truyền nhiễm gia cầm	2	x		20	20		I, II
13	NNY605	Bệnh ký sinh	2	x		20	20		I, II
14	NNY614	Dược lý thú y nâng cao	2	x		20	20		I, II
15	NN744	Vi sinh Thú y	2	x		20	20		I, II
16	NNY618	Bệnh thú cảnh	2		x	20	20		I, II
17	NNY624	Sinh dược phẩm trong thú y	2		x	30			I, II
18	NN759	Bệnh di truyền	2		x	30			I, II
19	NNY615	Bệnh truyền lây giữa người và động vật	2		x	30			I, II
20	NN751	Bệnh dinh dưỡng	2		x	30			I, II
21	NN757	Độc chất học Thú y	2		x	30			I, II

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
22	NN758	Bảo vệ quyền lợi động vật	2		x	30			I, II
23	NNN635	Quản lý dịch bệnh động vật	2		x	30			I, II
24	NNY607	Vệ sinh an toàn thực phẩm động vật	2		x	30			I, II
25	NNN649	Quản lý chuỗi sản xuất dịch vụ Chăn nuôi – Thú y	2		x	30			I, II
26	NNN629	Chăn nuôi thú cảnh	2		x	30			I, II
27	NNY617	An ninh và an toàn sinh học	2		x	30			
28	NNY622	Thú y và sức khỏe cộng đồng	2		x	30			I, II
Cộng: 18 TC (Bắt buộc: 10 TC; Tự chọn: 08 TC)									
Cộng II, III: 30 TC (Bắt buộc: 18 TC, Tự chọn: 12 TC)									
IV. Phần nghiên cứu khoa học									
29	NNY000	Luận văn tốt nghiệp	15	x					I, II
30	NNY003	Chuyên đề Dịch tễ học Thú y	3	x		45			I, II
31	NNY004	Chuyên đề báo cáo học thuật nghiên cứu	3	x		45			I, II
32	NNY005	Chuyên đề bệnh nội khoa TY	3		x	30			I, II
33	NNY006	Chuyên đề bệnh ngoại khoa TY	3		x	30			I, II
34	NNY007	Chuyên đề bệnh sản khoa TY	3		x	30			I, II
Cộng: 27 TC (Bắt buộc: 21 TC, Tự chọn: 6 TC)									
		Tổng cộng	60	42	18				

1.2. Có bằng thạc sĩ các ngành cần bổ sung kiến thức (9 TC)

A2. Cơ sở thực tập và các ngành cần bổ sung kiến thức (TC)										
T T	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện	
1	NNY616	Miễn dịch học nâng cao	2	x		20	20		I, II	
2	NN741	Sinh lý bệnh học Thú y	2	x		30			I, II	
3	NNN648	Phương pháp NCKH-Chăn nuôi & Thú y	2	x		30			I, II	
4	NNY003	Chuyên đề Dịch tễ học Thú y	3	x		45			I, II	
Cộng: 09 TC (Bắt buộc: 09 TC)										
		Tổng cộng	9							

Phần 2: Các học phần trình độ tiến sĩ (13 TC)

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
1	CT888	Năng lực số A	2	x		15	30		I, II
2	NN924	Bệnh lý học phân tử thú y	2	x		30			I, II

Handwritten signature

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
3	NN925	Thâm cứu bệnh học Thú y	3	x		45			
4	NN926	Thâm cứu sinh lý bệnh Thú y	2		x	30			I, II
5	NN964	Thâm cứu bệnh nội khoa Thú y	2		x	30			I, II
6	NN966	Thâm cứu bệnh ngoại khoa Thú y	2		x	30			I, II
7	NN967	Thâm cứu sản khoa và công nghệ sinh sản	2		x	30			I, II
8	NN970	Thâm cứu bệnh ký sinh trùng Thú y	2		x	30			I, II
9	NN965	Thâm cứu dược lý Thú y	2		x	30			I, II
10	NN968	Thâm cứu độc chất học Thú y	2		x	30			I, II
11	NN952	Thâm cứu bệnh nhiệt đới	2		x	30			I, II
13	NN953	Dịch tễ học nâng cao	2		x	30			I, II
Cộng: 13 TC (Bắt buộc: 07 TC; Tự chọn: 06 TC)									
		Tổng cộng	13						

Phần 3: Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ

TT	Các nội dung chính	Định mức (TC/HP)	Số lượng (HP)	Bắt buộc (TC)	Tự chọn (TC)	Tổng (TC)	Ghi chú
3.1	Tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ	3	3	9		9	
3.1.1	Tiểu luận tổng quan	3	1	3		3	
3.1.2	Chuyên đề tiến sĩ	3	2	6		6	
3.2	Bài báo khoa học (Tác giả chính ít nhất 2 điểm công trình)		1-3	10	6	10-16	Điểm bài báo theo HDGSNN
	<i>Tạp chí KH thuộc WoS/Scopus (Q1: 10 TC; Q2: 8 TC; Q3, Q4: 7 TC; WoS/copus: chưa xếp hạng: 6 TC)</i>	6-10	1-2			10-16	
	<i>Chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, có chỉ số ISBN</i>	6	2			12	
	<i>Tạp chí KH trong nước (TCKH) theo danh mục HDGSNN cho từng chuyên ngành, điểm công trình từ 0,75đ trở lên (TCKH 0,75đ: 4 TC; TCKH 1,0đ trở lên: 5 TC)</i>	4-5	2-3			10-12	TC dư KHÔNG thay thế cho TC seminar học thuật
3.3	Seminar về kết quả nghiên cứu toàn luận án trước khi đánh giá ở đơn vị chuyên môn	4	1	4		4	
3.4	Seminar học thuật (có thể được thay thế bằng bài báo thuộc <i>Tạp chí KH thuộc WoS/Scopus</i> hoặc <i>Chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, có chỉ số ISBN</i>):	1-5	2-4		6	6	Tự chọn

TT	Các nội dung chính	Định mức (TC/HP)	Số lượng (HP)	Bắt buộc (TC)	Tự chọn (TC)	Tổng (TC)	Ghi chú
	Báo cáo Seminar học thuật BM (1-3 seminar)	1					
	Báo cáo Seminar học thuật Đơn vị đào tạo (Khoa, Viện)	2					
	Báo cáo Hội thảo khoa học Quốc gia	3					
	Báo cáo Hội thảo khoa học Quốc tế	5					
3.5	Luận án			50		50	
3.5.1	Báo cáo kết quả nghiên cứu giữa kỳ	5		5		5	
3.5.2	Trình luận án tại đơn vị chuyên môn	15		15		15	
3.5.3	Trình luận án tại cơ sở đào tạo (cấp Trường)	30		30		30	
	TỔNG CỘNG			80-81	9-10	90	

Cần Thơ, ngày 28 tháng 8 năm 2025

ĐẠI HỌC CẦN THƠ

**BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KH&ĐT
CHỦ TỊCH**

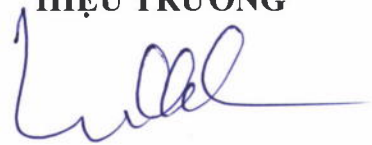
**TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP
HIỆU TRƯỞNG**



Trần Trung Tính



Trần Ngọc Hải



Lê Văn Vàng

Khung khối lượng tín chỉ (TC) trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

TT	Các nội dung chính	Định mức (TC/HP)	Số lượng (HP)	Bắt buộc (TC)	Tự chọn (TC)	Tổng (TC)	Ghi chú
I	Học phần bổ sung						
1.1	Đối với NCS đầu vào trình độ đại học loại giỏi: 30 TC từ CTĐT thạc sĩ định hướng nghiên cứu					30	Tối thiểu 30 TC
1.2	Đối với NCS đầu vào trình độ thạc sĩ thuộc nhóm ngành phù hợp có bổ sung kiến thức					9	Theo CTĐT ThS cùng ngành
II	Nội dung 1: Học phần (HP) trình độ tiến sĩ (tối đa 16 TC)			9-10	3-4	13	
2.1	Đối với NCS đầu vào trình độ thạc sĩ thuộc nhóm ngành phù hợp không bổ sung kiến thức	2-3	4-6	9-10	3-4	13	Tối đa 16 TC
III	Nội dung 2: Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ			73	4	77	Tối thiểu 80% -72 TC
3.1	Tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ	3	3	9		9	
3.1.1	Tiểu luận tổng quan	3	1	3		3	
3.1.2	Chuyên đề tiến sĩ	3	2	6		6	
3.2	Bài báo khoa học (Tác giả chính ít nhất 2 điểm công trình)		1-3	10		10	Điểm bài báo theo HDGSNN
	<i>Tạp chí khoa học (TCKH) thuộc WoS/Scopus được xếp hạng (Q1: 10 TC; Q2: 8 TC; Q3, Q4: 7 TC); các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus còn lại (TCKH chưa xếp hạng, báo cáo hội nghị khoa học quốc tế: 6 TC)</i>	6-10	1-2				
	<i>Chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, có chỉ số ISBN</i>	6	2				
	<i>TCKH trong nước theo danh mục HDGSNN cho từng chuyên ngành, điểm công trình từ 0,75đ trở lên (TCKH 0,75đ: 4 TC; TCKH 1,0đ trở lên: 5 TC)</i>	4-5	2-3				TC dư KHÔNG thay thế cho TC seminar học thuật
3.3	Seminar về kết quả nghiên cứu toàn luận án trước khi đánh giá ở đơn vị chuyên môn	4	1	4		4	
3.4	Seminar học thuật (*seminar học thuật có thể được thay thế bằng bài báo thuộc Tạp chí KH thuộc WoS/Scopus hoặc Chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, có chỉ số ISBN):	1-4	1-4		4	4	Tự chọn
	Báo cáo Seminar học thuật BM (1-3 seminar)	1					
	Báo cáo Seminar học thuật Đơn vị đào tạo (Khoa, Viện, Trường)	2					
	Báo cáo Hội thảo khoa học Quốc gia	3					
	Báo cáo Hội thảo khoa học Quốc tế không thuộc WoS/SCopus	4					
3.5	Luận án			50		50	
3.5.1	Báo cáo kết quả nghiên cứu giữa kỳ	5		5		5	
3.5.2	Trình luận án tại đơn vị chuyên môn	15		15		15	
3.5.3	Trình luận án tại cơ sở đào tạo (cấp Trường)	30		30		30	
	TỔNG CỘNG (II+III)			82-83	7-8	90	